

Số: 16 /2024/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 24 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2370/TTr-SNN ngày 13 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực nông nghiệp; Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

b) Không áp dụng quy định tại Quyết định này cho dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực nông nghiệp

1. Mẫu hồ sơ: Các mẫu quy định tại phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này, cụ thể như sau:

- a) Đơn đề nghị của chủ trì liên kết (theo Mẫu 1.1);
- b) Dự án/kế hoạch liên kết (theo Mẫu 1.2);
- c) Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã cùng tham gia liên kết (theo Mẫu 1.3);
- d) Bản sao được chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; Bản sao được chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận hoặc Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (theo Mẫu 1.4);
- đ) Bản sao được chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu Hợp đồng liên kết hoặc Biên bản kí kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết.

2. Trình tự, thủ tục

a) Bước 1: Các Sở, ban ngành được giao chủ trì tham mưu từng Chương trình mục tiêu quốc gia thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên các phương tiện truyền thông (Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh hoặc Báo Nghệ An) hoặc trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Cổng Thông tin điện tử các huyện, thành, thị thực hiện dự án ít nhất 02 lần. Thời gian nhận hồ sơ tối thiểu là 15 ngày kể từ ngày phát hành thông báo.

b) Bước 2: Xây dựng, nộp hồ sơ dự án, kế hoạch liên kết

Đơn vị chủ trì liên kết xây dựng dự án, kế hoạch liên kết và lập hồ sơ đề xuất theo mẫu hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, nộp 01 bộ hồ sơ (nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến) tại:

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ban Dân tộc đối với các dự án/kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh thuộc Chương

trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Bộ phận Tiếp nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An đối với các dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh thuộc Dự án 2- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện đối với các dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.

c) Bước 3: Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết

Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ theo đúng quy định, các Sở, ban ngành cấp tỉnh theo phạm vi quản lý tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định cấp tỉnh đối với các dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định cấp huyện đối với các dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp huyện và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng để xem xét, thẩm định dự án.

Thành phần Hội đồng thẩm định ở cấp tỉnh gồm: Chủ tịch hội đồng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Lãnh đạo Sở, ban ngành cấp tỉnh khi được ủy quyền; Thành viên Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết; Đại diện các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các Sở, ban ngành cấp tỉnh có liên quan; Chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

Thành phần Hội đồng thẩm định ở cấp huyện gồm: Chủ tịch hội đồng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thành viên Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, kế hoạch liên kết; đại diện phòng Tài chính - Kế hoạch và các phòng chuyên môn có liên quan; Chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

Nội dung thẩm định phải đảm bảo đáp ứng về hồ sơ, thủ tục và các điều kiện quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Bước 4: Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ và Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền Thủ trưởng các Sở, ban ngành cấp tỉnh quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân

cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền Trưởng phòng, ban trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.

Trường hợp dự án/ kế hoạch liên kết không đủ điều kiện theo quy định thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị

a) Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương;

b) Đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP;

c) Phù hợp nguồn vốn được phân bổ hằng năm của từng chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Nội dung đề nghị hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước phải phù hợp với mục tiêu từng chương trình mục tiêu quốc gia;

đ) Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất sử dụng giống cây trồng, vật nuôi, hàng hóa, dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án.

Điều 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Mẫu hồ sơ: Các mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này, cụ thể như sau:

a) Đơn đề nghị của cộng đồng dân cư (theo Mẫu 2.1);

b) Biên bản họp cộng đồng dân cư và danh sách các hộ dân tham gia dự án/phương án sản xuất (theo Mẫu 2.2);

c) Dự án/phương án sản xuất (theo Mẫu 2.3).

2. Trình tự, thủ tục:

a) Bước 1: Cơ quan, đơn vị được giao vốn thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông (đài phát thanh cấp xã) hoặc trên trang điện tử của huyện, xã (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị. Thời gian nhận hồ sơ tối thiểu là 10 ngày kể từ ngày phát hành thông báo.

b) Bước 2: Nộp hồ sơ dự án, phương án sản xuất

Cộng đồng dân cư xây dựng dự án, phương án sản xuất, lập hồ sơ đề xuất theo mẫu quy định tại khoản 1 Điều này và nộp 01 bộ hồ sơ tới Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện.

c) Bước 3: Thẩm định dự án, phương án sản xuất:

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ theo đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất; Có Báo cáo thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt.

Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Thủ trưởng phòng chuyên môn trực thuộc theo ủy quyền; Thành viên là: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất; Đại diện phòng Tài chính - Kế hoạch, các phòng, ban, đơn vị chuyên môn cấp huyện có liên quan; Chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

Nội dung thẩm định phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

d) Bước 4: Phê duyệt dự án, phương án sản xuất

Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận hồ sơ và Báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.

Trường hợp dự án, phương án sản xuất không đủ điều kiện theo quy định trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Tiêu chí lựa chọn dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

a) Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương;

b) Đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP;

c) Phù hợp nguồn vốn được phân bổ hằng năm của từng chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Nội dung đề nghị hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước phải phù hợp với mục tiêu từng chương trình mục tiêu quốc gia;

đ) Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất sử dụng những hàng hóa, dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất được phê duyệt trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại

Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 12/11/2022 của HĐND tỉnh quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất được thẩm định nhưng chưa phê duyệt thì thực hiện theo Quyết định này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị và tổ chức, các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /./

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Lao động TB và XH, Tài chính (để b/c);
- Ủy ban dân tộc (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NN (3).M67.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

CÁC LOẠI MẪU THỦ TỤC

Loại hồ sơ	Mẫu hồ sơ	Ghi chú
1. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực nông nghiệp	Phụ lục I	
Đơn đề nghị	Mẫu 1.1	
Dự án/ kế hoạch liên kết	Mẫu 1.2	
Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết	Mẫu 1.3	
Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.	Mẫu 1.4	
2. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng	Phụ lục II	
Đơn đề nghị của cộng đồng dân cư	Mẫu 2.1	
Biên bản họp cộng đồng dân cư	Mẫu 2.2	
Dự án/phương án sản xuất	Mẫu 2.3	

Phụ lục I

**HỒ SƠ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN/ KẾ HOẠCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT
LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRONG CÁC NGÀNH NGHỀ, LĨNH
VỰC KHÁC KHÔNG THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/08/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

Mẫu 1.1: Đơn đề nghị của Chủ trì liên kết

**TÊN ĐƠN VỊ
CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia**

Kính gửi:

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):.....

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:.....

Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:.....Email:

Căn cứ quy định tại..... thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia....., (tên chủ đầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết) đề nghị
(tên cơ quan chủ dự án thành phần cấp tỉnh):

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm liên kết:

2. Địa bàn thực hiện:

3. Quy mô liên kết:.....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ nội dung 1:

2. Hỗ trợ nội dung 2:

Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (tên chủ đầu tư dự án liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm): /.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu;

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Làm rõ tổng mức kinh phí cần huy động, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết hoặc phần đóng góp của người dân bằng tiền hoặc hiện vật quy đổi thành tiền, vốn tín dụng).

3. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết.

4. Dự kiến các rủi ro, giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có).

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Đề xuất chi tiết nội dung, mức vốn, thời gian hỗ trợ từ ngân sách nhà nước)

IV. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

Phần III

CAM KẾT TRÁCH NHIỆM VÀ KIẾN NGHỊ

I. CÁC NỘI DUNG CAM KẾT TRÁCH NHIỆM TRONG THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Làm rõ trách nhiệm và cam kết của chủ trì liên kết, các bên tham gia liên kết. Trong đó làm rõ cam kết về: Chất lượng sản phẩm, dịch vụ và bố trí vốn của chủ trì liên kết, các bên liên kết để thực hiện các nội dung, hoạt động dự án, kế hoạch; nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu 1.4 . Bản cam kết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 1.3. Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN THỎA THUẬN

Về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết)

Ngày tháng năm , tại , chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Fax: E-mail
2. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Fax: E-mail
3.

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT):

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết:
2. Sản phẩm thực hiện liên kết:
3. Quy mô liên kết:
4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT: đồng,
trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: đồng

Phụ lục II

**HỒ SƠ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN/ PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN
SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2024/QĐ-UBND ngày 21 / 6 /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

Mẫu 2.1. Đơn đề nghị của Cộng đồng dân cư

TÊN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
DÂN CƯ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/ , ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Kính gửi:

Cộng đồng dân cư (nhóm hộ/tổ hợp tác/tổ, nhóm cộng đồng):.....

Người đại diện theo ủy quyền:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail

Căn cứ quy định tại..... thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia
..... (tên cộng đồng dân cư) đề nghị UBND huyện/ thành phố/ thị
xã

I. THÔNG TIN CHUNG

- Nội dung dự án/ phương án sản xuất đề nghị hỗ trợ:
- Địa bàn thực hiện:
- Quy mô:
- Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

- Hỗ trợ nội dung 1:
 - Hỗ trợ nội dung 2:
-
Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (tên cộng đồng dân cư) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):/.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 2.2. Biên bản họp cộng đồng dân cư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

BIÊN BẢN HỌP CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Hôm nay, ngày tháng năm 20..., tại..... (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) thôn/bản..... đã tổ chức họp để: (nêu mục đích cuộc họp).

1. Chủ trì cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì); Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh); Thành phần tham gia (Đại diện UBND cấp xã, các tổ chức, đoàn thể, số lượng đối tượng tham gia: ...).

2. Nội dung cuộc họp

- Thảo luận các nội dung thực hiện dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất của nhà nước, thống nhất về đóng góp của người dân, cơ chế thu hồi, luân chuyển kinh phí hỗ trợ của nhà nước (nếu có);

- Bình xét hộ đủ điều kiện tham gia dự án/ phương án sản xuất.

3. Lập danh sách các đối tượng tham gia dự án/phương án sản xuất như sau:

TT	Tên đối tượng tham gia dự án (chủ hộ)	Địa chỉ	Số người lao động trong độ tuổi	Đăng ký hỗ trợ	Đối ứng của hộ (Ghi rõ mức đối ứng bằng tiền, hiện vật)	Ký xác nhận hoặc dấu tay - điểm chỉ

Cuộc họp đã kết thúc vào ... giờ ... cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản./.

THƯ KÍ
CUỘC HỌP
(ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN UBND
CẤP XÃ
(ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG THÔN, CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
XÓM, BẢN
(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 2.3. Dự án/ phương án sản xuất hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TÊN DỰ ÁN/ PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT

1. Đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).
2. Mục tiêu dự án/phương án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể).....
3. Đối tượng tham gia:
4. Thời gian triển khai:
5. Địa bàn thực hiện:
6. Tổng chi phí, dự toán chi tiết theo năm kế hoạch:
7. Phương án mua sắm trang vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng đề xuất hỗ trợ từ NSNN (nếu có):.....
8. Cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có):
9. Hình thức, mức quay vòng (nếu có):
10. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp:.....
11. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có):
12. Tổ chức thực hiện dự án/ phương án:
13. Các nội dung liên quan khác

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)

